

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/DS-ST

Ngày: 27-9-2022.

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Triệu.

2. Ông Sơn Nhật Thành.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Huê – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Thôn – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2022/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP S.

Trụ sở: Số 266-268, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Bảo T – Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ – Ngân hàng TMCP S chi nhánh Trà Vinh (văn bản ủy quyền ngày 11/01/2022), (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 555, đường Nguyễn Đáng, khóm 3, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 381/4, ấp B, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 12 năm 2021, và trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có ý kiến trình bày và yêu cầu:

Ngày 24/06/2020, bà Nguyễn Thị H có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số: 177/2020 – TTD ngày 26/06/2020 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), Căn cứ thu nhập của bà Nguyễn Thị H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 25.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.15%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 25.000.000 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà Nguyễn Thị H phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Nguyễn Thị H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 5.900.219 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước.
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước.
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước.
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ.
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ.
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Nguyễn Thị H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Nguyễn Thị H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 22/06/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 28,499,101 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 11/02/2022, bà Nguyễn Thị H còn nợ các khoản sau (chi tiết lãi quá hạn, dư nợ trong sao kê tóm tắt đính kèm):

- Nợ gốc: 28.499.101 đồng.
- Lãi quá hạn: 8.669.466 đồng.
- Tổng cộng: 37.168.567 đồng.

(Bằng chữ: Ba mươi bảy triệu một trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi bảy đồng).

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 28,499,101 đồng với lãi suất quá hạn là 3.225%/tháng ($2.15\% \times 150\%$) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà Nguyễn Thị H, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà Nguyễn Thị H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị.

Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H:

1. Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 11/02/2022 là 37.168.567 đồng. Trong đó: nợ gốc bằng 28.499.101 đồng và lãi quá hạn bằng 8.669.466 đồng.

2. Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị H không có lời trình bày.*

- *Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và có yêu cầu khởi kiện vì trong thời gian khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị H đã thanh toán được một phần bằng 15.800.000 đồng vốn gốc nên tính đến ngày 27/9/2022 bà H còn nợ là 30.741.964 đồng. Trong đó: nợ gốc bằng 12.699.101 đồng và lãi quá hạn bằng 18.042.863 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/9/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh có quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: thẩm quyền thụ lý vụ án; quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết; tư cách pháp lý; thủ tục tiến hành hòa giải; thu thập chứng cứ; cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, Viện kiểm sát; thời hạn gọi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 97; Điều 177; Điều 196; Điều 205; Điều 208; Điều 209; Điều 210; Điều 211; Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nhưng thẩm phán thụ lý vụ án đến ngày ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đã vi phạm Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định tại Điều 239; Điều 204; Điều 243; Điều 247; Điều 248; Điều 249; Điều 250; Điều 251; Điều 252; Điều 260 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Vị kiểm sát viên đề xuất:

+ Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466; Điều 468, Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Ngoài ra, các đương sự còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP S – chi nhánh Trà Vinh có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà Nguyễn Thị H cư trú tại ấp B, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Xét về thời hiệu khởi kiện, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay từ ngày 22/6/2021, nên ngày 01/12/2021 Ngân hàng TMCP S nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, là đúng quy định tại khoản 1 Điều 149 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến Tòa ghi bản tự khai, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà H vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn nêu trên.

[2] Về nội dung:

Xét, yêu cầu của Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả số tiền nợ gốc là 12.699.101 đồng; Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S tại Tòa; Xét thấy, có đủ cơ sở xác định ngày 24 tháng 6 năm 2020, bà H có ký hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số: 177/2020 – TTD ngày 26/06/2020 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng); việc thỏa thuận giữa Ngân hàng TMCP S và bà H phù hợp với quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp

luật. Tại Tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S cho biết sau khi được cấp tín dụng, bà H có trả được lãi trong hạn cho Ngân hàng; số tiền gốc bà H còn nợ Ngân hàng là 12.699.101 đồng. Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bà H, bà H không đến Tòa án trình bày ý kiến và không có văn bản trả lời phản bác các yêu cầu của Ngân hàng, coi như bà H từ bỏ quyền được yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích pháp của mình; Do đó, yêu cầu của Ngân hàng đòi bà H trả số tiền nợ gốc 12.699.101 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng nên có cơ sở chấp nhận.

Xét, yêu cầu của Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà H trả tiền lãi tính đến ngày 11 tháng 01 năm 2022 gồm lãi quá hạn là 18.042.863 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày Tòa xử; Tại Tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng giải trình do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Việc chuyển nợ quá hạn và cách tính tiền lãi của Ngân hàng phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng và thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng; Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP S buộc bà H trả tiền lãi quá hạn tính đến ngày 27 tháng 9 năm 2022 là 18.042.863 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày Tòa xử.

[3] Quan điểm của vị kiểm sát viên về tố tụng và nội dung là phù hợp nên có cơ sở để chấp nhận một phần.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91, Khoản 1 Điều 95 và điểm a Khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm đ, khoản 2, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Buộc bà Nguyễn Thị H trả cho Ngân hàng tiền vay gốc, lãi đến ngày 27/9/2022 là: 30.741.964 đồng. (Trong đó: vốn gốc là 12.699.101 đồng, nợ lãi quá hạn bằng 18.042.863 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (28/9/2022), bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 177/2020 – TTD ngày 26/06/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị H phải chịu 1.537.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 860.000 đồng theo biên lai số 0008616 ngày 11 tháng 01 năm 2022, đại diện Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh tỉnh Trà Vinh nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND H. Châu Thành;
- Cc. THA DS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS (VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hoàng Nguyên